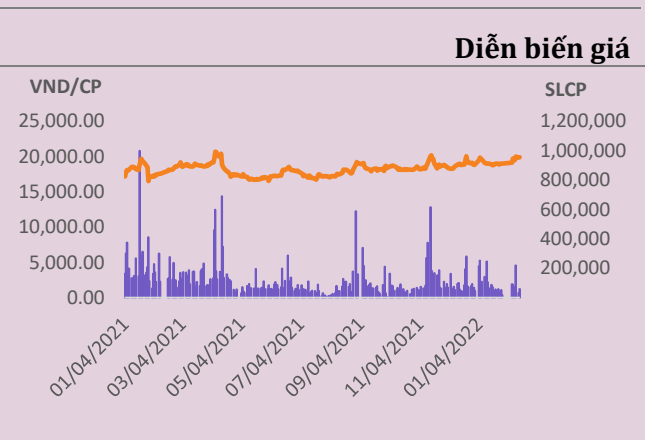


Khuyến nghị	MUA
Giá mục tiêu (VND)	26,500
Lợi nhuận kỳ vọng	+32.5%
Giá thị trường (15.02.2022)	20,000

Thông tin cổ phiếu	
Sàn giao dịch	UpCOM
Khoảng giá 52 tuần (VND/CP)	16,700-20,800
Giá trị vốn hóa (Tỷ VND)	9,450
SL Cổ phiếu lưu hành	500,000,000
KLGD bình quân 3 tháng	104,600
Giá trị GD bình quân 3 tháng (tỷ VND)	1.98
Vốn điều lệ (tỷ VND)	4,734
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	0.04%
Giới hạn room nước ngoài (%)	100%



Thông tin cơ bản về công ty
 CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (HND - UpCOM) thành lập ngày 17/09/2002, gồm 5 cổ đông sáng lập: Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN (77.5%), Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (10%), Tổng công ty Bảo Hiểm Việt Nam (2.5%), Vinaconex (5%) và Lilama (5%). Năm 2012, Bộ Công thương đã ban hành QĐ 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2), EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ HND.
 Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2 đặt tại xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, công suất là 4x300 MW, tổng mức đầu tư hơn 1.2 tỷ USD, tạo ra khoảng 7.2 tỷ KWh điện mỗi năm.

TĂNG HUY ĐỘNG ĐIỆN THAN

Kết quả kinh doanh 2021: Năm 2021, doanh thu HND giảm 17.2% yoy còn 9,026 tỷ VND do ảnh hưởng của dịch bệnh làm sản lượng điện giảm, đồng thời, giá bán điện giảm do lượng điện được huy động từ thủy điện tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2021 nhờ các điều kiện thời tiết thuận lợi. LNST giảm 69.9% chỉ còn 443 tỷ VND.

Năm 2021, HP1 hết thời hạn 10 năm áp dụng mức giá profile (theo thông tư 41/2010/TT-BCT quy định, nhà máy nhiệt điện có thể sử dụng một mức giá FV bình quân cho cả vòng đời (30 năm) hoặc quy đổi thành FC từng năm để có thể hoàn thành nghĩa vụ nợ vay trong 10 năm đầu vận hành (giá FC năm cao nhất không quá 1.2 lần giá FC bình quân). Chúng tôi kỳ vọng, FC giảm 6.9%, tương đương với mức 102 VND trong năm 2021 và sẽ tiếp tục giảm vào năm 2025 khi nhà máy HP2 đủ 10 năm và hết thời hạn được hưởng mức giá ưu đãi.

Nhu cầu điện tăng trưởng, huy động điện than cao trong năm 2022. Năm 2022, chúng tôi kỳ vọng sản lượng điện từ thủy điện giảm khi hiện tình hình thiếu nước xảy ra ở hầu hết các hồ thủy điện, đặc biệt là các hồ thủy điện miền Bắc. Bên cạnh đó, hiện giá dầu đang neo ở mức trên 90 USD/thùng, các nhà máy điện khí sẽ không được ưu tiên huy động. Chúng tôi kỳ vọng EVN sẽ tăng huy động công suất dư thừa từ các nhà máy phát điện than như HND khi hiện HND chỉ hoạt động ở mức khoảng 80% công suất.

Tình hình tài chính lành mạnh. Từ khi hai nhà máy đi vào hoạt động thương mại ổn định, HND giảm 1,300-2,000 tỷ VND nợ mỗi năm, giảm lượng nợ vay từ 14,102 tỷ VND (2015) xuống còn 1,957 tỷ VND vào thời điểm cuối năm 2021, cải thiện tỷ lệ nợ vay/VCSH từ 2.5 xuống chỉ còn 0.3. Với tốc độ giảm nợ đều đặn, HND sẽ nhanh chóng trả hết hoàn toàn nợ vay trong năm 2023.

Biên lợi nhuận tăng tích cực nhờ khấu hao giảm mạnh. Hai nhà máy của HND với tổng vốn đầu tư là 22,142 tỷ VND. Theo lịch, HP1 đã giảm 50% khấu hao từ 2022 và sẽ khấu hao xong trong năm 2024. HP2 sẽ khấu hao hết vào năm 2026.

Cổ tức kỳ vọng đạt trên 20%: HND bắt đầu tăng cổ tức bằng tiền trong năm 2020 (13.5%) và 2021 (21.75%). Hiện HND đã gần hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, chúng tôi kỳ vọng HND chia cổ tức trong năm 2022 ở mức 20%.

Định giá: Doanh thu 2022 của HND ước tính ở mức 9,562 tỷ VND (+5.9% yoy) với sản lượng Qc kỳ vọng tăng 5% yoy. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp của HND năm nay sẽ cải thiện ở mức 11.9%, với ước tính giá nguyên liệu/Kwh sẽ tăng ở mức 2%, tuy nhiên, chi phí khấu hao ước tính giảm 128 tỷ VND. LNST ước đạt 855 tỷ VND. Sử dụng phương pháp DCF, chúng tôi ước tính giá mục tiêu cho HND là 26,500 VND (+32.5% so với mức giá đóng cửa ngày 15/02/2022).

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2020	2021E	2022F
Doanh thu	tỷ VND	10,900	9,026	9,562
Lợi nhuận gộp	tỷ VND	1,912	644	1,134
Chi phí quản lý	tỷ VND	(120)	(98)	(153)
Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND	1,470	443	855
Biên lãi gộp	%	17.5%	7.1%	11.9%
Biên lãi ròng	%	13.5%	4.9%	8.9%
ROE	%	22.4%	6.7%	14.4%
ROA	%	12.3%	4.5%	11.0%
EPS	VND	2,940	886	1,709
BV	VND	11,054	11,136	9,671
P/E	x	6.8	22.5	11.6

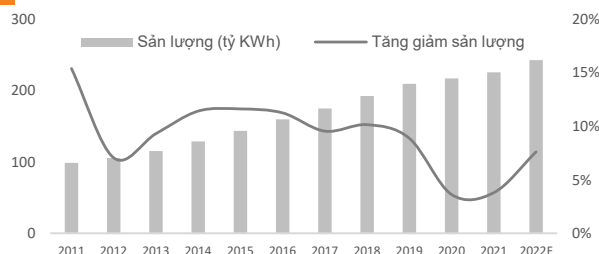
(Nguồn: Finn, ORS)

1. TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐIỆN

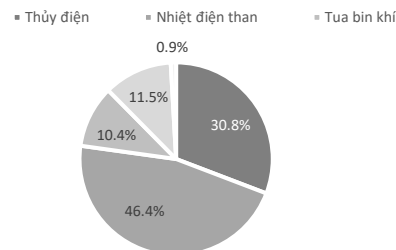
Tăng trưởng sản lượng ở mức hai chữ số qua các năm

Sản lượng điện Việt Nam ghi nhận tăng trưởng CAGR ở mức hai chữ số trong giai đoạn 2001-2019. Trong giai đoạn 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh, sản lượng điện thương phẩm tăng trưởng chậm hơn, lần lượt đạt 3.6% năm 2020 và 5.6% năm 2021. Năm 2022, EVN đặt mục tiêu sản lượng điện thương phẩm là 242.35 tỷ kWh, tăng trưởng 7.6% so với năm 2021 nhờ kỳ vọng nền kinh tế phục hồi, nhu cầu sử dụng điện từ công nghiệp và dịch vụ sẽ tăng trưởng tốt.

Sản lượng điện thương phẩm



Cơ cấu nguồn điện năm 2021



Nguồn: EVN, TPS

Tính đến cuối năm 2021, tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt 76,620 MW (+10.8% yoy). Trong đó, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) là 20,670MW, tăng 3,420MW so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 27% trong hệ thống.

Kế hoạch năm 2022, EVN phấn đấu khởi công và hoàn thành phát điện thương mại các dự án điện mặt trời Phước Thái 2 (100MWp), Phước Thái 3 (50MWp), khởi công dự án Nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV (1,050MW). Đồng thời, tập trung thi công các dự án thủy điện Hòa Bình mở rộng, Ialy mở rộng, nhiệt điện Quảng Trạch I.

Cơ cấu doanh thu của các nhà máy điện

EVN hiện đang mua điện từ các nhà máy điện qua hai hình thức:

- Mua theo hợp đồng bán điện PPA (Power Purchase Agreement).
- Mua bán trên thị trường điện giao ngay (SMP – Spot Market Price).

Giá điện trong hợp đồng PPA phụ thuộc vào kết quả đàm phán với EVN tùy theo các nhà máy thủy điện lớn và các nhà máy nhiệt điện. Đối với các nhà máy điện năng lượng tái tạo thì sẽ tính mức giá do Bộ Công Thương quy định (giá Fit 20 năm đối với các dự án điện gió, điện mặt trời thỏa điều kiện, tính theo biểu giá chi phí tránh được đối với trường hợp các nhà máy thủy điện dưới 30 MW).

$$\text{Doanh thu bán điện của nhà máy điện} = P_c * Q_c + Q_{smp} * (P_{smp} + CAN)$$

Doanh thu theo hợp đồng bán điện PPA (Power purchase agreement) = $P_c * Q_c$

Doanh thu bán điện trên thị trường điện giao ngay (SMP – Spot market price) = $Q_{smp} * (P_{smp} + CAN)$

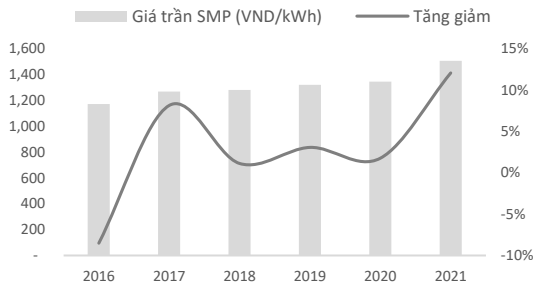
P_c : Giá hợp đồng mua bán điện – mức giá bù đắp cho các chi phí cố định và chi phí biến đổi của doanh nghiệp: Giá hợp đồng được điều chỉnh thường xuyên khi có biến động về: giá nhiên liệu đầu vào, nâng cấp, sửa chữa hệ thống, máy móc và lương tối thiểu vùng.

Q_c : Sản lượng điện bán theo hợp đồng – phần sản lượng điện bán trên thị trường phát điện được phân bổ thành sản lượng điện hợp đồng của nhà máy.

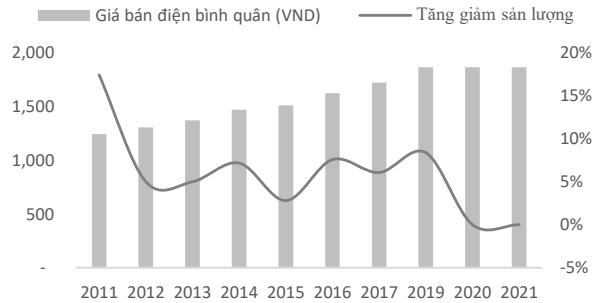
Giá SMP = $P_{SMP} + CAN$: Giá bán điện giao ngay trên thị trường – mức giá chung áp dụng cho tất cả các nhà máy điện tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh. Giá CAN là giá công suất thị trường bù đắp cho chi phí thiếu hụt của các nhà máy điện mới.

Q_{smp} : Tổng sản lượng điện giao ngay trên thị trường - phần sản lượng điện năng sản xuất của doanh nghiệp.

Giá SMP bình quân



Giá bán lẻ điện bình quân



Nguồn: EVN, TPS

Giá SMP bình quân có tốc độ tăng trưởng ổn định qua các năm. Năm 2022, Cục Điều tiết điện lực (Bộ Công Thương) ban hành kế hoạch vận hành thị trường với mức trần của giá điện năng thị trường điện (SMP cap) với mức trần của giá điện năng thị trường điện (SMP cap) áp dụng trong thị trường điện năm 2022 là 1602,3 đồng/kWh (+6.6% yoy).

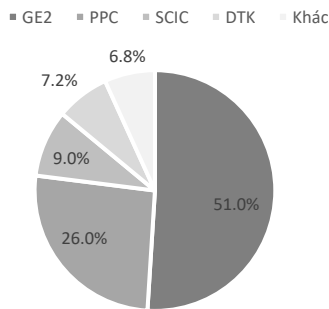
Giá bán điện: Giá trung bình EVN bán điện cho khách hàng tăng ở mức ổn định. Tuy nhiên, trong năm 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh, giá bán lẻ điện giữ nguyên ở mức trung bình là 1,864.44 VND/kWh. Hiện Việt Nam đang là quốc gia có mức giá điện bình quân thấp so với hầu hết các quốc gia trong khu vực. Thậm chí, giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện nay chỉ bằng 51% so với Philippines - quốc gia có giá điện cao nhất khu vực (0,172 USD/kW). Chúng tôi kỳ vọng trong tương lai, giá bán lẻ điện của Việt Nam sẽ tăng trưởng tiệm cận với giá bán lẻ điện của các nước trong khu vực.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG - HND

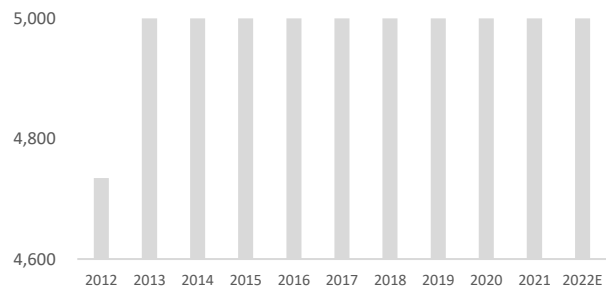
Tổng quan doanh nghiệp

HND được thành lập ngày 17/09/2002 với 5 cổ đông sáng lập, tổng vốn điều lệ là 5,000 tỷ VND với các đơn vị góp vốn là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (77.5%), Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (10%), Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (2.5%), Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam Vinaconex (2.5%), Tổng Công ty lắp máy Việt Nam Lilama (5%). Ngày 28/12/2012, Tập đoàn điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2.

Cơ cấu sở hữu của HND



Quá trình tăng vốn điều lệ (tỷ VND)



Nguồn: HND, TPS

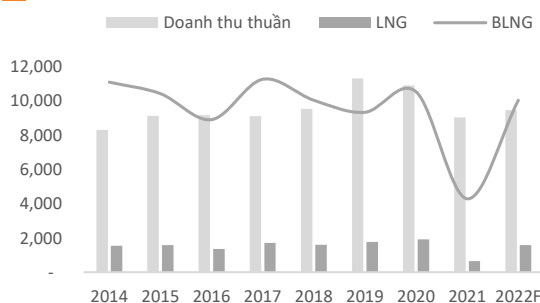
HND hiện đang vận hành 2 nhà máy nhiệt điện than: Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2, đặt tại Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Hiện HND đang vận hành 4 tổ máy, với tổng công suất lắp đặt là 1,200 MW, tổng mức đầu tư hơn 1.2 tỷ USD và được khởi công năm 2005. Các tổ máy được đưa vào hoạt động từ năm 2011 (tổ máy 1 và 2, HP1) và 2014 (tổ máy 3 và 4, HP2), mỗi năm cung cấp khoảng 6-7.5 tỷ kWh cho lưới điện quốc gia. HND có vai trò quan trọng trong việc ổn định cho khu vực tam giác kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Kết quả kinh doanh

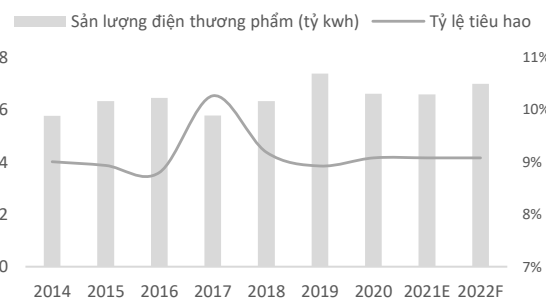
Năm 2021, doanh thu HND giảm 17.2% yoy còn 9,026 tỷ VND do ảnh hưởng của dịch bệnh làm sản lượng điện giảm, đồng thời, giá bán điện giảm do lượng điện được huy động từ thủy điện tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2021 nhờ các điều kiện thời tiết thuận lợi. LNST giảm 69.9% chỉ còn 443 tỷ VND.

Năm 2021, HP1 hết thời hạn 10 năm áp dụng mức giá profile (theo thông tư 41/2010/TT-BCT quy định, nhà máy nhiệt điện có thể sử dụng một mức giá FV bình quân cho cả vòng đời (30 năm) hoặc quy đổi thành FC từng năm để có thể hoàn thành nghĩa vụ nợ vay trong 10 năm đầu vận hành (giá FC năm cao nhất không quá 1.2 lần giá FC bình quân). Chúng tôi kỳ vọng, FC giảm 6.9%, tương đương với mức 102 VND trong năm 2021 và sẽ tiếp tục giảm vào năm 2025 khi nhà máy HP2 đủ 10 năm và hết thời hạn được hưởng mức giá ưu đãi.

Kết quả kinh doanh HND



Sản lượng điện thương phẩm HND

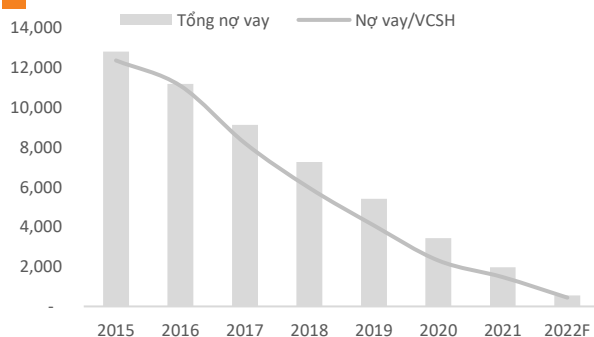


Nguồn: HND, TPS

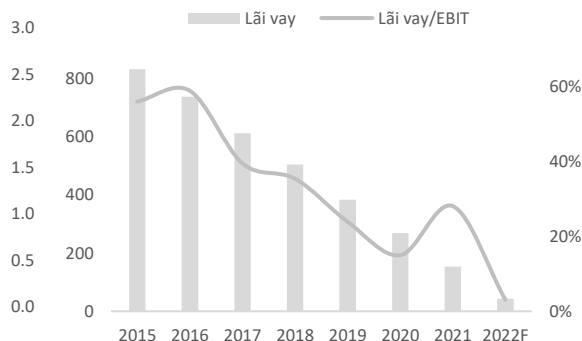
Luận điểm đầu tư:

Tài chính lành mạnh với khoản nợ vay kỳ vọng sẽ được trả hết trong năm 2023: Từ khi hai nhà máy đi vào hoạt động thương mại ổn định, HND có tốc độ trả nợ tỷ đều đặn trong khoảng từ 1,300-2,000 tỷ/năm, giảm lượng nợ vay từ 14,102 tỷ VND (đầu năm 2015) xuống còn 1,957 tỷ VND vào thời điểm cuối năm 2021, cải thiện tỷ lệ nợ vay/VCSH từ 2.5 xuống chỉ còn 0.3. Chúng tôi kỳ vọng, với tổng lượng nợ vay hiện chỉ còn 1,957 tỷ, HND sẽ nhanh chóng trả hết hoàn toàn nợ vay trong năm 2023. Theo đó, HND sẽ không còn chịu áp lực lớn từ khoản trả lãi vay, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng lợi nhuận của công ty.

Tổng nợ vay (tỷ VND), nợ vay/VCSH



Lãi vay và tỷ lệ lãi vay/EBIT

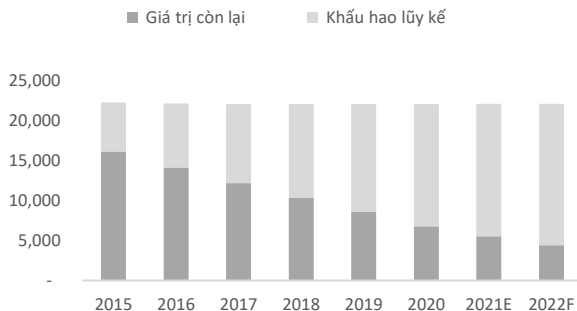


Nguồn: HND, TPS

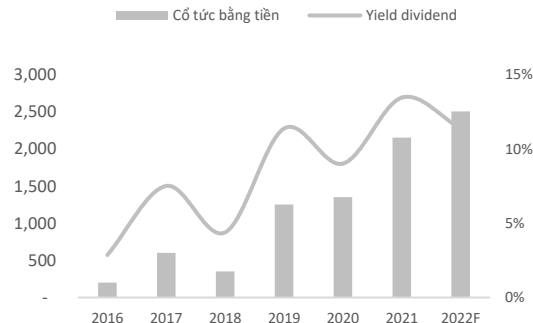
Bên cạnh tác động tích cực từ giảm chi phí lãi vay, kết quả kinh doanh kỳ vọng tăng trưởng tốt khi khấu hao giảm: Hai nhà máy của HND với tổng vốn đầu tư là 22,142 tỷ VND. HP1 (tổ máy 1 và tổ máy 2 với công suất lắp đặt 2*300MW) được đưa và hoạt động thương mại từ 2011, HP2 (tổ máy 3 và 4 với công suất lắp đặt 2*300 MW) được đưa vào hoạt động từ 2014. Theo lịch, HP1 đã giảm 50% khấu hao từ 2022 và khấu

hao xong trong năm 2024. HP2 sẽ khấu hao hết vào năm 2026. Ước tính chi phí khấu hao sẽ giảm khoảng 128 tỷ trong năm 2022.

TSCĐ - Khấu hao của HND



Tỷ lệ trả cổ tức của HND qua các năm



Nguồn: HND, TPS

Nguồn than đầu vào được đảm bảo ổn định, rủi ro giá nguyên liệu thấp: Nguyên liệu chính của nhà máy từ mỏ than Hồng Gai – Cẩm Phả với tổng nhu cầu than khoảng 9,000-1,000 tấn than/ngày (khoảng 3.3 triệu tấn/năm). Bên cạnh đó, HND còn sử dụng nhiên liệu dầu FO dùng để khởi động lò. Nguyên liệu đầu vào của HND được đảm bảo với hợp đồng mua bán than dài hạn HND ký với TKV (40 năm) và TCT Đông Bắc (5 năm). Giá than biến động nhẹ qua các năm với quy định về việc điều chỉnh giá bán than cho các nhà máy điện phải dựa theo sự hướng dẫn và quản lý của Bộ Tài Chính.

Định giá

Năm 2022, chúng tôi kỳ vọng sản lượng điện từ thủy điện giảm khi hiện tình hình thiếu nước xảy ra ở hầu hết các hồ thủy điện, đặc biệt là các hồ thủy điện miền Bắc. Cuối năm 2021, lượng nước về các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Đà trong mùa mưa năm nay chỉ bằng khoảng 60-70% so với trung bình nhiều năm, đặc biệt các lưu vực giữa của hồ Hòa Bình và Sơn La chỉ bằng 20-60% so với trung bình nhiều năm. Bên cạnh đó, hiện giá dầu đang neo ở mức trên 90 USD/thùng, các nhà máy điện khí sẽ không được ưu tiên huy động. Chúng tôi kỳ vọng EVN sẽ tăng huy động công suất dư thừa từ các nhà máy phát điện than như HND khi hiện HND chỉ đạt hoạt động ở mức khoảng 80% công suất.

Trong năm 2022, ước tính giá Pc giảm do giá profile giảm bắt đầu từ năm 2021, tuy nhiên, sản lượng tăng đủ bù đắp chi phí, bên cạnh đó, việc khấu hao giảm do HP1 đã khấu hao gần hết sẽ làm COGS giảm, BLG kỳ vọng đạt mức 11.9%. Trong giai đoạn 2020-2030F, chúng tôi ước tính Qc sẽ chiếm 80% tổng sản lượng của HND.

Phần còn lại được HND bán trên thị trường phát điện cạnh tranh, giá bán sẽ phụ thuộc vào cung cầu. HND có thể cải thiện sản lượng cũng như biên lợi nhuận từ thị trường phát điện cạnh tranh khi chi phí cố định đã được bù đắp trong sản lượng điện Qc.

Doanh thu 2022 của HND ước tính ở mức 9,562 tỷ VND (+5.9%) với sản lượng Qc kỳ vọng tăng 5% yoy. Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp của HND năm nay sẽ cải thiện ở mức 11.9%, với ước tính giá nguyên liệu/Kwh sẽ tăng ở mức 2%, tuy nhiên, chi phí khấu hao ước tính giảm 128 tỷ VND. LNST ước đạt 855 tỷ VND.

Chi phí thuế: HND tiếp tục được hưởng mức thuế suất 5% cho đến năm 2024 (do vẫn còn trong thời hạn hưởng thuế suất ưu đãi 10% và miễn giảm 50% thuế thu nhập). Năm 2025, HND không còn được miễn giảm 50% thuế nên sẽ chịu thuế suất 10%. Các năm tiếp theo HND sẽ chịu mức thuế suất thông thường là 20%.

Sử dụng phương pháp DCF, chúng tôi ước tính giá mục tiêu cho HND là 26,500 VND (+ 32.5% so với giá đóng cửa ngày 15/02/2022).

VND bn	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F	2027F
EBIT	981	1,198	1,227	860	413	1,699
EBIT (1-tax)	932	1,138	1,166	774	330	1,359
Khấu hao	1,173	1,108	1,043	1,173	1,025	2
Tăng/giảm WC	909	(209)	(970)	(695)	(97)	(209)
Capex	(38)	(3)	(284)	(5)	(145)	(5)
FCFF	2,976	2,033	954	1,248	1,114	1,147
Discount Period	1.0	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0
Present Value of FCFF	2,730	1,711	737	884	724	571

Implied Equity Value and Share Price
(VND bn, except per share)

PV of 5 year	6,786
Giá trị cuối cùng	6,529
Tiền mặt	651
Nợ	748
FCFE	13,218
Slcp (tr. Cp)	500
Giá mục tiêu	26,500
Giá hiện tại	20,000
Tăng giảm	32.5%

Rủi ro: tiềm năng tăng trưởng giới hạn với công suất thiết kế hầu như cố định, HND sẽ đạt hiệu suất đỉnh trong 1-2 năm tới, sau đó sẽ không còn dư địa để tăng trưởng.

Sản lượng sản xuất của HND chịu phụ thuộc lớn vào kế hoạch phân bổ của EVN. Sản lượng điện bán ra (Q) của HND gồm 2 phần: phần điện bán theo hợp đồng (Qc) và phần điện bán trên thị trường giao ngay, với tỉ lệ giữa 2 loại thường dao động quanh mức 8:2. Tuy nhiên với phần sản lượng điện bán theo hợp đồng đều do phân bổ từ EVN, kế hoạch kinh doanh của HND thường chịu phụ thuộc vào sản lượng được phân bổ (Qc) trong năm tiếp theo.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần	10,900	9,026	9,562	10,165
Giá vốn hàng bán	(8,988)	(8,383)	(8,428)	(8,829)
Lợi nhuận gộp	1,912	644	1,134	1,335
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí QLDN	(120)	(98)	(153)	(138)
Lợi nhuận từ HĐKD	1,792	545	981	1,198
Lợi nhuận tài chính	44	75	75	34
Chi phí lãi vay	(268)	(153)	(128)	(106)
Lợi nhuận trước thuế	1,538	467	900	1,099
Lợi nhuận sau thuế	1,470	443	855	1,043
LNST của cổ đông Công ty mẹ	1,470	443	855	1,043

Cân đối kế toán	2020	2021	2022F	2023F
Tài Sản Ngắn Hạn	4,201	2,966	2,054	3,017
Tiền và tương đương tiền	1,477	568	651	1,377
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	70	-	-
Phải thu ngắn hạn	1,972	1,766	979	1,041
Hàng tồn kho	745	560	421	596
Tài sản ngắn hạn khác	6	2	2	2
Tài Sản Dài Hạn	7,010	5,723	4,864	3,769
Tài sản cố định	6,785	5,514	4,370	3,262
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	12	6	280	280
Đầu tư tài chính dài hạn	1	1	1	1
Tài sản dài hạn khác	211	201	213	226
Tổng cộng tài sản	11,211	8,689	6,918	6,786
Nợ phải trả	4,262	2,475	1,249	796
Nợ ngắn hạn	2,259	1,327	802	786
Nợ dài hạn	2,003	1,148	447	10
Vốn chủ sở hữu	6,949	6,214	5,669	5,989
Vốn điều lệ	5,000	5,000	5,000	5,000
Tổng nguồn vốn	11,211	8,689	6,918	6,786

Lưu chuyển tiền tệ	2020	2021	2022F	2023F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	1,603	427	982	474
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	25	(87)	(45)	17
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(930)	(1,248)	(854)	235
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	698	(908)	83	726
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	779	1,477	568	651
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1,477	568	651	1,377

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS.

LIÊN HỆ

PHÒNG PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG (TPS)

028 7301 3839

p.pt@tpbs.com.vn

<https://www.tpbs.com.vn/>

